

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
				10%				30%	60%	100%		
					1							
1	1812719005	Lê Tú Anh	N18DLK1	7	10			10.0	0.0	0.0	Không	HP
2	1813719016	Trần Lê Quốc Bảo	N18DLK1	7	7			7.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
3	1813719019	Nguyễn Cao Cấp	N18DLK1	10	10			10.0	0.0	0.0	Không	HP
4	1813719056	Dụng Anh Đức	N18DLK1	10	6			6.0	7.0	7.0	Bảy	
5	1812719043	Hoàng Mộng Duyên	N18DLK1	10	9			9.0	0.0	0.0	Không	HP
6	1812719059	Nguyễn Thị Hương Giang	N18DLK1	10	7			7.0	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
7	1812719065	Phan Thị Thu Hà	N18DLK1	10	6			6.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
8	1813719061	Đinh Ngọc Hà	N18DLK1	7	9			9.0	7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
9	1812719076	Nguyễn Thị Kim Hiền	N18DLK1	10	10			10.0	8.0	8.8	Tám phẩy Tám	
10	1812719074	Nguyễn Trần Thu Hiền	N18DLK1	10	6			6.0	8.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
11	1813719080	Nguyễn Quốc Hiếu	N18DLK1	7	7			7.0	0.0	0.0	Không	HP
12	1813719088	Phan Trọng Hoan	N18DLK1	10	10			10.0	0.0	0.0	Không	HP
13	1813719107	Hồ Nguyễn Anh Khoa	N18DLK1	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
14	1813719127	Nguyễn Thành Long	N18DLK1	10	7			7.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
15	1812719168	Trần Thị Hiền Nhi	N18DLK1	7	10			10.0	8.0	8.5	Tám phẩy Năm	
16	1813719174	Trương Minh Nhựt	N18DLK1	10	9			9.0	8.0	8.5	Tám phẩy Năm	
17	1813719188	Trần Đăng Phúc	N18DLK1	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
18	1813719190	Dương Tấn Phụng	N18DLK1	10	7			7.0	0.0	0.0	Không	HP
19	1813719192	Nguyễn Phước	N18DLK1	7	7			7.0	10.0	8.8	Tám phẩy Tám	
20	1812719195	Nguyễn Thị Thanh Phương	N18DLK1	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
21	1813719208	Phùng Ngọc Quỳnh	N18DLK1	10	7			7.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
22	1812719211	Lê Thị Như Quỳnh	N18DLK1	10	10			10.0	8.0	8.8	Tám phẩy Tám	
23	1812719222	Võ Huyền Tố Tâm	N18DLK1	7	7			7.0	8.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
24	1812719234	Trần Việt Thảo	N18DLK1	7	6			6.0	5.0	5.5	Năm phẩy Năm	
25	1812719231	Nguyễn Thị Thanh Thảo	N18DLK1	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
26	1812719245	Đặng Thị Hoài Thu	N18DLK1	10	9			9.0	6.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
27	1812719258	Nguyễn Phước Tôn Nữ Thương	N18DLK1	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
28	1813719261	Đặng Vũ Tiến	N18DLK1	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
29	1813719263	Trần Tín	N18DLK1	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
30	1813719267	Tiêu Phi Toàn	N18DLK1	10	7			7.0	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
31	1812719272	Huỳnh Huyền Trâm	N18DLK1	10	6			6.0	8.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
32	1812719268	Nguyễn Thị Thùy Trang	N18DLK1	7	10			10.0	6.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
33	1812719302	Cao Thanh Vân	N18DLK1	10	6			6.0	7.0	7.0	Bảy	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
34	1812719303	Trần Thị Kiều Vân	N18DLK1	4	6			6.0	5.0	5.2	Năm phẩy Hai	
35	1812719311	Trương Thị Von	N18DLK1	7	10			10.0	8.0	8.5	Tám phẩy Năm	
36	1813719314	Phạm Hoàng Vũ	N18DLK1	7	9			9.0	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
37	1812719323	Trương Nguyễn Như Ý	N18DLK1	10	10			10.0	7.0	8.2	Tám phẩy Hai	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	24	65%	
2	Số sinh viên nợ	13	35%	
TỔNG CỘNG :		37	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 10 năm 2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân